

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2017

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Nguyễn Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Phương Q, sinh năm 1978; cư trú tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; cư trú tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Phương Q trình bày:

Vào ngày 16/4/1996, bà Huỳnh Phương Q và ông Nguyễn Văn D được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà Q, ông D có tổ chức hôn lễ với nhau, hôn nhân tự nguyện, không vi phạm điều cấm hôn nhân. Bà Q và ông D đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 28/5/2007. Sau khi kết hôn, bà Q, ông D sống hạnh phúc với nhau tại ấp N, xã T, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng. Đến tháng 7 năm 2017 giữa bà Q và ông D phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được. Bà Q và ông D đã ly thân từ ngày 31/7/2017 cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà Q và ông D có 02 con chung là Nguyễn Nhựt L, sinh ngày 17/6/1998 và Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/6/2005. Hiện nay bà Q đang nuôi dưỡng hai cháu. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; về nợ chung: Không có.

Nay bà Huỳnh Phương Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.
- Về con chung: Bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/6/2005 và bà Q không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Nguyễn Nhựt L, sinh ngày 17/6/1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhựt L.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải cùng ngày 13 tháng 11 năm 2017 bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Vào ngày 16/4/1996, ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Phương Q có tổ chức hôn lễ với nhau, hôn nhân tự nguyện. Đến ngày 28/5/2007, ông D, bà Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 28/5/2007. Sau khi kết hôn, ông, bà sống hạnh phúc với nhau tại ấp N, xã T, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng. Đến tháng 7 năm 2017 giữa ông, bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông, bà có những hiểu lầm dẫn đến tranh cãi nhưng ông D đã giải thích và năn nỉ bà Q nhưng bà Q vẫn không bỏ qua. Ông, bà vẫn sống chung nhà với các con.

Trong quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là Nguyễn Nhựt L, sinh ngày 17/6/1998 và Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/6/2005. Hiện nay hai con chung đang sống với ông, bà. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; về nợ chung: Không có.

Nay trước yêu cầu của bà Huỳnh Phương Q, ông D có ý kiến:

- Về hôn nhân: Ông D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q vì ông D còn thương vợ.

- Về con chung: Nếu bà Q vẫn cương quyết ly hôn và Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Q thì ông D đồng ý để bà Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/6/2005 cho đến khi cháu Nhật T đủ 18 và ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 17/6/1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật L.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/6/2005 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn D.

[3] Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Phương Q, sinh năm 1978 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng

nhận kết hôn số: 107 ngày 28/5/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Phương Q và ông Nguyễn Văn D là hợp pháp.

[5] Xét lý do xin ly hôn của bà Q, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà Q, ông D hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa và cãi vã. Đến tháng 7 năm 2017, ông, bà tuy sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống và ông, bà đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q.

[6] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/6/2005 đến tròn 18 tuổi. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà Q, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13/11/2017, cháu Nguyễn Nhật T thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Q nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/6/2005 cho bà Quyên nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi là phù hợp. Riêng cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 17/6/1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lo cho bản thân, bà Q, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật T đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Q.

[9] Về tài sản chung: Bà Q, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Về nợ chung: Bà Q, ông D xác định ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[11] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bà Huỳnh Phương Q là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Phương Q và ông Nguyễn Văn D được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/6/2005 cho bà Huỳnh Phương Q nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Q. Cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 17/6/1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lo cho bản thân, bà Q, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Phương Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Phương Q và ông Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Huỳnh Phương Q và ông Nguyễn Văn D xác định ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Bà Huỳnh Phương Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006481 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Huỳnh Phương Q đã nộp xong án phí.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn